

Số: 453/2020/QĐST-HNGĐ

Thủy Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 636/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Vối, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng và anh Phạm Duy N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Vối, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Duy N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Duy N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Duy N thống nhất thỏa thuận: Anh Phạm Duy N trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị L sinh ngày 06 tháng 8 năm 2005 và Phạm Thị Châm A sinh ngày 29 tháng 01 năm 2010 cho đến khi con chung tên Phạm Thị L và Phạm Thị Châm A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyễn Thị L và anh Phạm Duy N tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Duy N khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002268 ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L được trả lại số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Q, huyện T; (Đăng ký kết hôn số 13 năm 2011)
- Lưu VT; lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhã